

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HSST

Ngày: 20 - 05 - 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Long Biên

2. Ông Nguyễn Văn Quý

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2021/HSST ngày 28 tháng 04 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn H; sinh ngày 03/10/1977, tại xã B, huyện T, tỉnh T; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã E, huyện Ea, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Xuân Th và bà Bùi Thị L; Có vợ: Nguyễn Thị H; Có 2 con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/03/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng:***

*-Người bị hại:*

Anh Trương Công Đ – Sinh năm 1979(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện C, T.

*- Người làm chứng*

+ Anh Bùi Văn D – Sinh năm 1990(có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, T.

+ Anh Lê Văn H2 – Sinh năm 1976(có mặt)

Địa chỉ: Thôn PT, xã P, huyện C, T

+ Ông Nguyễn Văn Th – Sinh năm 1968(có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5/2020 do đang đi làm ăn tại Thành phố H và có quan hệ anh em họ hàng với Bùi Văn D sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã B, huyện T, nên anh Bùi Văn T sinh năm 1970, người cùng thôn, đã gọi điện nhờ D tìm người mua cây (gồm cây keo và cây xà cừ) tại đồi cây, thuộc thôn C, xã B của gia đình. Đến khoảng giữa tháng 6/2020 D đi đến nhà anh Trương Công H3 sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã C, huyện C để hỏi người mua cây, thì được anh H3 cho biết có anh Trương Công Đ sinh năm 1979 (em trai của anh H3) là người mua cây. Đến chiều cùng ngày, anh H3 cùng anh Đ đi đến nhà D và được D đưa lên khu vực đồi cây của nhà anh T để xem cây. Sau khi xem cây xong, thì D và anh Đ đã trao đổi với nhau về giá của đồi cây, lúc này D bảo bán đồi cây của nhà anh T với số tiền 35 triệu đồng, nhưng anh Đ không đồng ý, thì D bảo lại với anh Đ là 30 triệu đồng, thì anh Đ bảo là để hôm sau tính. Sau đó, đến sáng ngày hôm sau anh Đ cùng anh H3 đi đến nhà D để thỏa thuận lại việc mua, bán đồi cây. Khi đến nhà thì D không có nhà, anh Đ chỉ gặp Bùi Văn H sinh năm 1977, trú tại thôn 5, xã E, huyện Ea, tỉnh Đ – là anh trai của D, do nhầm H với anh T nên khi gặp H thì anh Đ nói với H là “Anh mới về à, có vườn keo muốn bán à”, thì H nói lại với anh Đ là “Ừ, muốn bán đây, xem cây chưa, xem rồi thì đặt cọc tiền”. Sau đó, H và anh Đ thống nhất giá bán đồi cây nhà anh T là 30 triệu đồng, H yêu cầu anh Đ phải đặt cọc trước số tiền 20 triệu đồng, nhưng anh Đ không đồng ý, mà chỉ chấp nhận đặt cọc số tiền là 10 triệu đồng, rồi cả hai trao đổi số điện thoại với nhau. Đến khoảng 02 ngày sau, khi H đang ở tại nhà ông Th thì anh Đ gọi điện cho H và hỏi H đang ở đâu, để anh Đ mang tiền đến, thì H nói cho anh Đ biết mình đang ở trên nhà ông Th. Khoảng gần 20 phút sau, anh Đ cùng anh Lê Văn H2, sinh năm 1976, trú tại thôn PT, xã P, huyện C đi đến nhà ông Th gặp H. Tại nhà ông Th, anh Đ đã đưa cho H số tiền là 10 triệu đồng để đặt cọc tiền mua vườn cây (số tiền 10 triệu đồng là của anh H2 đưa cho anh Đ để đưa cho H). Được khoảng gần 01 tuần sau, H tiếp tục gọi điện cho anh Đ để lấy số tiền mua cây còn lại, thì anh Đ bảo H vào trong nhà anh Đ ở xã C, huyện C để lấy, do không có xe, nên H đã nhờ ông Th chở đi. Khi đến nhà anh Đ, thì H được anh Đ đưa thêm cho số tiền là 06 triệu đồng (trong đó 05 triệu đồng của anh H2 và 01 triệu đồng của anh Đ). Đến khoảng 02 ngày sau, H cầm toàn bộ số tiền bỏ vào tỉnh Đ. Anh Đ đến ngày khai thác keo đã đến khu vực đồi keo mà H chỉ định làm đường vào chặt keo thì phát hiện bị H lừa nên đã làm đơn trình báo công an xã B.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, Bùi Văn H đã bỏ trốn vào tỉnh Đ, sau đó tiếp tục bỏ trốn vào Thành phố HM và tỉnh N. Đến ngày 19/3/2021 khi đang làm thuê tại huyện TB, tỉnh N thì Bùi Văn H bị Phòng PC02 – Công an tỉnh T bắt theo Quyết định truy nã số 07/QĐ-CSĐT, ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện T.

Quá trình điều tra, Bùi Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xác minh thu nhập, tài sản của bị cáo xác định bị cáo không có tài sản, thu nhập đáng kể.

Đối với Bùi Văn D, em trai của Bùi Văn H, xác định anh Bùi Văn T có nhờ D tìm người mua đồi cây của nhà anh T, sau đó T có liên hệ với anh Trương Công Đ để bán đồi cây. Sau khi thỏa thuận việc mua bán, giá cả D cũng đã trao đổi lại với chị Đinh Thị Th vợ của anh T biết. D không được H trao đổi về việc lừa lấy tiền của anh Đ, quá trình H trao đổi giao dịch tiền cọc mua bán cây với anh Đ thì D không được biết. D cũng không được H đưa tiền từ số tiền 16.000.000 đồng đã chiếm đoạt, nên xác định hành vi của D không có dấu hiệu tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trương Công Đ đã nhận được toàn bộ số tiền bị H chiếm đoạt nên không có yêu cầu về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

Tại bản cáo trạng số 27/Ctr-VKS-TT, ngày 27/04/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố Bùi Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

\* Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; BLHS để xử phạt Bùi Văn H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

- Bị cáo Bùi Văn H thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội và không có ý kiến tranh luận gì.

- Ý kiến trình bày của người bị hại: Thống nhất với hành vi của bị cáo như cáo trạng mô tả, thống nhất lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Về phần dân sự người bị hại không yêu cầu gì về phần bồi thường. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Lời khai của các nhân chứng tại phiên tòa đúng như diễn biến hành vi của bị cáo mà cáo trạng của Viện kiểm sát mô tả.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bùi Văn H đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin, sự mất cảnh giác của anh Trương Công Đ, thực hiện hành vi lừa đảo bán đôi cây keo và cây xà cừ đã đến tuổi khai thác diện tích khoảng 3,3 ha của anh Bùi Văn T ở khu vực đồi thuộc thôn C, xã B lấy 16.000.000 đồng của anh Trương Công Đ. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn H thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Trong vụ án này Bùi Văn H sau khi phạm tội có hành vi bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, buộc cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã do đó cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 05 tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là con đẻ của người có công với cách mạng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra do đó Công an huyện T đã ra quyết định truy nã đối bị cáo. Vì lẽ trên hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**Tuyên bố:** Bị cáo Bùi Văn H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS của Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo Bùi Văn H 09(chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/03/2021.

**Áp dụng:** Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

-Công nhận phần dân sự trong vụ án đã giải quyết xong.

-Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quân**